

Bản án số: 348/2024/DS-ST
Ngày 20 - 12 - 2024
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Kim Sơn; Bà Trần Thị Kim Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2024/TLST - DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc T, sinh năm: 1967; địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Trần Ngọc T): Ông Trần Văn M, sinh năm: 1957; địa chỉ: B khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 01/7/2024); có mặt.

2/ Bị đơn: Ông Võ Văn L, sinh năm: 1965; địa chỉ: ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản phiên họp, nguyên đơn (ông Trần Ngọc T) và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn M trình bày:

Vào năm 2022, ông Võ Văn L có mua chôm chôm của ông Trần Ngọc T và nợ lại số tiền 200.000.000đồng, đến ngày 13/01/2023 ông L có viết giấy chốt nợ và trả cho ông T số tiền 50.000.000đồng. Số tiền còn nợ lại là 150.000.000đồng, ông L cam kết đến hết tháng 01 năm 2023 sẽ trả đủ cho ông T. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay ông L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả cho ông T số tiền 172.410.000đ (một trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm mười ngàn đồng), trong đó bao gồm: nợ gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày

13/01/2023 đến 13/10/2024 với mức lãi suất 0,83%/tháng là: $150.000.000\text{đồng} \times 0.83\%/tháng \times 20\text{ tháng} = 22.410.000\text{đ}$ (hai mươi hai triệu bốn trăm mười ngàn đồng).

- *Tại biên bản làm việc, đơn trình bày ý kiến và yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 20/11/2024, bị đơn là ông Võ Văn L trình bày:* Ông thừa nhận có nợ ông T số tiền mua chôm chôm là 150.000.000đồng, đồng ý trả lại toàn bộ số gốc và tiền lãi theo yêu cầu của ông T.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Riêng bị đơn là ông Võ Văn L vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Đây là quan hệ pháp luật về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Ngọc T khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[2] Bị đơn là ông Võ Văn L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt ông L là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với hợp đồng mua bán: Ông T yêu cầu ông L trả số nợ gốc từ việc mua bán chôm chôm là 150.000.000đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông T có cung Toa hàng ngày 13/01/2023 do ông L tự viết; Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 29/12/2023 của ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre; xác nhận của ông Nguyễn Hữu T1 - Trưởng ấp P, xã V. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L có thừa nhận còn nợ ông T số nợ gốc là 150.000.000đồng. Do vậy, việc ông T khởi kiện yêu cầu ông L trả số nợ gốc 150.000.000đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3.3] Đối với tiền lãi: Ông T yêu cầu ông L trả lãi đối với số tiền nợ tính từ ngày 13/01/2023 đến 13/10/2024 theo mức lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể: $150.000.000\text{đồng} \times 0.83\%/tháng \times 20\text{ tháng} = 22.410.000\text{đ}$ (hai mươi hai triệu bốn trăm mười ngàn đồng). Xét yêu cầu này của ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do ông T chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 13/10/2023 nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của ông T.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Ông Trần Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Ông Võ Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch $5\% \times 172.410.000\text{đồng} = 8.620.500\text{đ}$ (tám triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 434, 440 của Bộ luật dân sự; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Ngọc T đối với bị đơn là ông Võ Văn L.

Buộc bị đơn là ông Võ Văn L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trần Ngọc T số tiền 172.410.000đ (một trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm mười ngàn đồng), trong đó bao gồm nợ gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 22.410.000đ (hai mươi hai triệu bốn trăm mười ngàn đồng).

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[2.1] Ông Trần Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.310.000đ (bốn triệu ba trăm mười ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005728 ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre;

[2.2] Ông Võ Văn L có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.620.500đ (tám triệu sáu trăm hai mươi ngàn năm trăm đồng).

[3] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày ông Trần Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Võ Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Chợ Lách (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền

